

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nội dung Công văn số 2455/LĐTBXH-TCGDNN ngày 21/6/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại về việc hướng dẫn tổng kết 10 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Bối cảnh chung

Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, với quan điểm đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội, nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với những lao động nông thôn; chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Để triển khai thực hiện Đề án 1956, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về phê duyệt điều

chính cơ cấu kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020". Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 22/10/2013 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" nhằm huy động sự tham gia của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Đề án.

2. Điều kiện hiện tại

- Quảng Ngãi là tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có diện tích tự nhiên 5.131,5km²; 13 huyện, 01 thành phố, trong đó: 06 huyện đồng bằng, 6 huyện miền núi và 01 huyện đảo. Có 184 đơn vị hành chính cấp xã, gồm có 09 thị trấn, 09 phường và 166 xã. Dân số tỉnh Quảng Ngãi tính đến ngày 01/4/2019 là 1.231.697 người, trong đó khu vực nông thôn chiếm 83,7%; số người trong độ tuổi lao động năm 2019 ước khoảng 825 nghìn người. Những năm qua, Quảng Ngãi đã có bước phát triển đáng kể, cơ sở vật chất kỹ thuật kinh tế và xã hội được tăng cường, đời sống nhân dân được cải thiện, kinh tế từng bước ổn định và phát triển. Xây dựng thành công Khu kinh tế Dung Quất, giữ vai trò là hạt nhân tăng trưởng và động lực phát triển của tỉnh với trọng tâm là công nghiệp lọc hóa dầu. Năm 2018, GRDP bình quân đầu người là 2.514 USD; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa: công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng 52,01%; dịch vụ: 30,17%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,82%. Đời sống văn hóa, vật chất của người dân không ngừng được nâng lên.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh tăng dần qua các năm: Năm 2010 là 28,4%, năm 2015 là 45%, năm 2016 là 47%, 2017 là 49%, 2018 là 51%, dự kiến ước thực hiện năm 2019 là 53% và mục tiêu đến năm 2020 đạt 55%.

- Hiện nay, số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 28 cơ sở (*giảm 12 đơn vị so với năm 2014 do sáp nhập, giải thể, ngừng hoạt động*). Trong đó, có 02 cơ sở giáo dục đại học có hoạt động giáo dục nghề nghiệp, 06 trường cao đẳng; 03 trường trung cấp; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 11 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 05 cơ sở đào tạo khác có tham gia dạy nghề. Chia theo loại hình: 22 cơ sở công lập và 06 cơ sở ngoài công lập. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tương đối phủ khắp 14 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, đây là một trong những thuận lợi giúp cho người học có thể đăng ký học nghề ngay tại địa phương và lựa chọn cho mình một cơ sở đào tạo để tham gia học nghề.

3. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020

a) Mục tiêu

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo nghề theo địa chỉ, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý hành chính, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội và thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

b) Chỉ tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2010 - 2015:

+ Đào tạo nghề cả 3 cấp trình độ cho 87.000 lao động nông thôn. Bình quân mỗi năm đào tạo nghề khoảng 14.700 lao động, trong đó, số lao động được hỗ trợ chi phí học nghề (*trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng*) khoảng 7.800 người/năm, gồm: học nghề nông nghiệp là 3.000 người, tỷ lệ 38,5%; học nghề phi nông nghiệp 4.800 người, tỷ lệ 61,5%. Số lao động nông thôn còn lại được đào tạo theo hướng xã hội hóa, huy động nguồn lực để thực hiện đạt mục tiêu của Đề án. Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi được đào tạo nghề tối thiểu đạt 70%.

+ Đào tạo và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý theo chức danh, từng vị trí công việc đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, thực thi công vụ cho 6.000 lượt các cán bộ, công chức xã.

- Giai đoạn 2016 - 2020, đào tạo nghề cho 33.270 lao động nông thôn, trong đó:

+ Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho 22.600 người cho lao động nông thôn, người khuyết tật, thợ thủ công, thợ lành nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động (4.953 người học nghề nông nghiệp, 17.647 người học nghề phi nông nghiệp). Sau khi học nghề có từ 80% số người học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho 10.670 lượt cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018,

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020

1. Kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Kết quả

- Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo chính sách Đề án 1956 trong giai đoạn 2010 - 2018 là 41.283 người. Trong đó, nghề nông nghiệp là 14.441 người, nghề phi nông nghiệp là 26.842 người, bao gồm các đối tượng như sau:

- + Lao động thuộc diện hộ gia đình có công cách mạng: 1.664 người.
- + Người hộ nghèo: 2.632 người.
- + Người thuộc đồng bào DTTS: 7.868 người.
- + Người khuyết tật: 358 người.
- + Người bị thu hồi đất: 438 người.
- + Lao động thuộc diện hộ cận nghèo: 391 người.
- + Lao động nông thôn khác: 27.932 người.

Cụ thể:

- Giai đoạn 2010 – 2015, hỗ trợ đào tạo nghề 36.133 người, trong đó nghề nông nghiệp là 12.842 người, nghề phi nông nghiệp là 23.291 người.

- Giai đoạn 2016 – 2018, hỗ trợ đào tạo nghề 5.150 người, trong đó nghề nông nghiệp là 1.599 người, nghề phi nông nghiệp là 3.551 người.

- 06 tháng đầu năm 2019, hỗ trợ đào tạo nghề 970 người, trong đó nghề nông nghiệp là 170 người, nghề phi nông nghiệp là 800 người.

- Ước thực hiện năm 2019, hỗ trợ đào tạo nghề là 2.270 người, trong đó nghề nông nghiệp là 270 người, nghề phi nông nghiệp là 2.000 người.

- Dự kiến năm 2020, hỗ trợ đào tạo nghề 3.000 người, trong đó nghề nông nghiệp là 1.000 người, nghề phi nông nghiệp là 2.000 người.

- Trong giai đoạn 2010 – 2018, số lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo là 37.075 người (đạt gần 90%), trong đó:

+ Số lao động nông thôn học nghề phi nông nghiệp: 26.842 người, sau học nghề có việc làm 23.390 người. Trong đó doanh nghiệp tuyển dụng: 13.818 người, được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm: 970 người, số được nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm: 6.847 người, số thành lập các tổ hợp tác, dịch vụ: 1.755 người.

+ Số lao động nông thôn học nghề nông nghiệp là 14.441 người, sau học nghề có việc làm: 13.685 người. Trong đó, được doanh nghiệp tuyển dụng: 19 người, được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm: 90 người, số được

nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm: 13.214 người, số thành lập các tổ hợp tác, dịch vụ: 362 người. Số lao động nông thôn sau học nghề đã được nâng cao tay nghề, áp dụng kiến thức vào phát triển sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, hạn chế rủi ro, nâng cao năng suất để tăng giá trị thu nhập.

b) Hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Qua 10 năm thực hiện Đề án, chất lượng lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đã có bước cải thiện đáng kể, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần giúp cho người học nghề là lao động nông thôn (đặc biệt là đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, người nghèo...) được chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, kỹ năng nghề.

- Sau khi học nghề, nhiều lao động đã áp dụng có hiệu quả vào phát triển sản xuất, nhiều hộ gia đình đã xây dựng được các mô hình sản xuất hiệu quả, thu nhập cao. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần đem lại năng suất và thu nhập cao hơn, tạo việc làm cho nhiều lao động. Chất lượng lao động nông thôn ngày càng tăng đã thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được củng cố, phát triển. Tỉnh Quảng Ngãi đã ưu tiên bố trí nguồn ngân sách địa phương để đối ứng với nguồn vốn đầu tư của trung ương chi hỗ trợ đào tạo nghề và đầu tư cơ sở vật chất cho dạy nghề. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề của các cơ sở đào tạo được đầu tư tương đối đầy đủ, góp phần tăng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề. Thu hút được các cơ sở tham gia dạy nghề, huy động được lực lượng lớn cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, thợ lành nghề tham gia giảng dạy tại các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn.

- 80% các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn được mở tại các xã, thị trấn cho phù hợp với điều kiện đi lại của người học, nhiều lớp dạy nghề được triển khai ở các thôn, bản, xã vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Dạy nghề đã bước đầu gắn kết với nhu cầu, địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp như nghề may công nghiệp, điện dân dụng, xây dựng, gò, hàn... nhiều lao động sau khi học nghề đã được giới thiệu và đi làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh, một số lao động đã tham gia xuất khẩu lao động ở nước ngoài.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

- Trong những năm qua được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cấp ủy đảng, các ngành và các địa phương đối với công tác phát triển nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 13/10/2011 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015 và

định hướng đến năm 2020, tỉnh đã tập trung nguồn lực, phân bổ kinh phí cho việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở đã đạt được một số kết quả như sau:

+ Giai đoạn 2010 - 2015 đã đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 8.128 lượt cán bộ, công chức cấp xã, với tổng kinh phí là 12.065 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2016 - 2018 đã đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 5.488 lượt cán bộ, công chức cấp xã, với tổng kinh phí là 6.636 triệu đồng.

+ 06 tháng đầu năm 2019 đã đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 446 lượt cán bộ, công chức xã và dự kiến 06 tháng cuối năm 2019 sẽ bồi dưỡng cho hơn 1.752 lượt cán bộ, công chức cấp xã với tổng kinh phí là 2.700 triệu đồng. Dự kiến năm 2020 tiếp tục bồi dưỡng cho hơn 2.000 lượt cán bộ, công chức cấp xã để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và đảm bảo chất lượng chuyên môn với từng vị trí việc làm, chức danh của cán bộ, công chức cấp xã.

- Ngoài ra, năm 2012, Bộ Nội vụ đã tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên nguồn, chuyển giao 26 bộ tài liệu do các cơ quan Trung ương biên soạn, phục vụ 13 chuyên ngành cho công chức, cán bộ xã; thực hiện chủ trương của Bộ Nội vụ, tỉnh đã chủ động và cử 26 cán bộ, công chức, viên chức thuộc Trường Chính trị tỉnh, Sở Nội vụ, các sở, ngành có chức năng liên quan, tham gia đội ngũ giảng viên nguồn để thực hiện việc bồi dưỡng các nội dung chương trình theo bộ tài liệu đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

- Phần lớn cán bộ, công chức xã sau khi đào tạo, bồi dưỡng đã nắm vững được các nguyên tắc lý luận và kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, làm cơ sở cho việc áp dụng trong công tác quản lý, điều hành thực tiễn ở cơ quan, đơn vị, địa phương có hiệu quả; được nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành và thực thi công vụ, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ công chức, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đủ chuẩn về điều kiện tiêu chuẩn chức danh, trình độ, vững vàng về kỹ năng, góp phần quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới và giải quyết kịp thời các yêu cầu của người dân, giảm dần sự nhũng nhiễu, phiền hà cho tổ chức và công dân, tạo được uy tín trong vai trò lãnh đạo của Đảng và bộ máy chính quyền đối với nhân dân.

- Ngoài những kết quả đạt được trong thời gian qua, tỉnh vẫn còn khó khăn về nguồn lực tài chính cho việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cấp xã; các cấp ủy đảng có nơi chưa quan tâm đúng mức trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã. Tính quy hoạch trong đào tạo, bồi dưỡng một số địa phương chưa cao, vẫn còn hạn chế trong việc gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch sử dụng, làm giảm hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

3. Nguồn lực thực hiện

Tổng kinh phí phân bổ thực hiện Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2018 là 167.265 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 148.564 triệu đồng. Trong đó, NSTW: 102.288 triệu đồng; NSDP: 46.276 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã là 18.701 triệu đồng. Trong đó, NSTW: 950 triệu đồng; NSDP: 17.751 triệu đồng.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Để tổ chức triển khai thực hiện Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập, kiện toàn, đã phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành dưới sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng Ban và cơ quan thường trực BCD 1956 nên hoạt động của Đề án được thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành đã ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020". 14 huyện, thành phố đã đưa nội dung triển khai thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn" qua các chương trình, kế hoạch của UBND huyện, thành phố về triển khai thực hiện Đề án; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện; tổ chức Hội nghị triển khai tới cán bộ chủ chốt của huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn...

- Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh rà soát, tổng hợp các danh mục nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp cần đào tạo trên địa bàn tỉnh, xây dựng định mức chi phí đào tạo cho từng nghề, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục nghề, chương trình khung, định mức chi tại các Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 24/10/2011, Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 10/4/2013, Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 20/02/2014, Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 23/6/2016; Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 29/3/2019. Trên cơ sở đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm có văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Về ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương

- Để triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong đó có trình độ cao đẳng, trung cấp, UBND tỉnh đã tham mưu HĐND tỉnh ban

hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và UBND tỉnh đã cụ thể hóa tại Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp khi có nhu cầu đặt hàng đào tạo nghề đối với các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để đào tạo người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ngãi vào làm việc tại doanh nghiệp; doanh nghiệp lựa chọn và tham gia phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đào tạo nghề, được thụ hưởng phần kinh phí đào tạo tương ứng với việc tham gia đào tạo.

- Ngoài ra, ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động khi tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề mức hỗ trợ chung là 3.000.000 đồng/01 lao động có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp. Kết quả trong 06 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp để đặt hàng với Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi tổ chức đào tạo nghề cho 220 HSSV trình độ cao đẳng, trung cấp theo đơn đặt hàng doanh nghiệp.

3. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn

- Trong giai đoạn 2010 - 2019, đã thực hiện phát sóng 52 số chuyên đề, chuyên mục về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh. Đặc biệt, các phóng sự tuyên truyền, giới thiệu các mô hình dạy nghề đạt hiệu quả, áp dụng vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, làm các dịch vụ, tự tạo việc làm, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình có tác dụng giúp người dân hiểu rõ ý nghĩa, lợi ích của việc học nghề và lựa chọn nghề để học.

- Đã đăng tải 83 bài viết trên các báo, tạp chí của ngành, địa phương; 860 tin, ảnh về tuyên truyền công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và kết quả, hiệu quả sau học nghề. Đã in 7.000 cuốn Sổ tay tuyên truyền về hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thông qua cuốn Sổ tay người lao động nắm rõ hơn những thông tin tuyển sinh, ngành nghề đào tạo của các trường, các chính sách ưu đãi về học nghề...

- Hàng năm, chuẩn bị cho công tác tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường công tác tuyển sinh và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng địa phương, địa bàn, đối tượng để thực hiện đào tạo nguồn nhân lực lao động có kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Đồng thời, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các sở, ban, ngành liên quan và

các địa phương tổ chức Chương trình “Tư vấn tuyển sinh - Định hướng giáo dục nghề nghiệp và Giới thiệu việc làm” trên địa bàn tỉnh cho đối tượng là các em học sinh lớp 9, lớp 12 và người lao động, với sự tham gia của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua đó, tư vấn cho học sinh, người lao động lựa chọn các ngành, nghề phù hợp với năng lực, sở trường và nguyện vọng của bản thân, gia đình cũng như đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội; kết nối và thúc đẩy mạnh mẽ sự hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp nhằm tác động thay đổi nhận thức của cộng đồng, học sinh, giáo viên và phụ huynh học sinh về việc đào tạo nghề gắn với nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp và cơ hội việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Thông qua Ngày Hội giúp các doanh nghiệp trực tiếp tuyển dụng nguồn nhân lực theo nhu cầu; đồng thời, tạo cơ hội giới thiệu hình ảnh, thương hiệu, sản phẩm.

- Công tác truyền thông đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân và toàn xã hội về vai trò, vị trí công tác đào tạo nghề trong phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, tạo được sự chuyển biến tích cực trong tổ chức thực hiện Đề án. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác truyền thông vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục trong thời gian tới như: Một số địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Đề án 1956; chưa chủ động xây dựng chuyên mục và dành thời lượng tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn nên người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức về lợi ích của học nghề chưa đầy đủ.

b) Hoạt động điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn

- Đã tổ chức 02 cuộc điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, việc làm tại 303.854 hộ gia đình, 240 doanh nghiệp và 34 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, hàng năm các huyện, thành phố tổ chức các cuộc điều tra nhu cầu học nghề và rà soát danh mục nghề đào tạo tại địa phương để đăng ký về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Công tác điều tra khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề giúp cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề sát với thực tế, giúp thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, công tác khảo sát cũng gặp khó khăn về kinh phí, nhân lực thực hiện ở các địa phương. Do vậy, giữa kế hoạch và thực tế tuyển sinh lao động nông thôn học nghề chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch hằng năm.

c) Các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả

- Mô hình dạy nghề cho ngư dân vùng ven biển: Đã tổ chức thí điểm và nhân rộng mô hình dạy nghề Thuyền trưởng, Máy trưởng tàu hạng tư, Thuyền viên tàu cá cho 3.151 người. Số lao động này được nâng cao tay nghề, thu nhập bình quân 7 - 10 triệu đồng/tháng, một số lao động có thu nhập từ 15 triệu - 20 triệu đồng/tháng.

- Mô hình dạy nghề cho lao động vùng chuyên canh: Đào tạo nghề trồng rau an toàn cho 413 người, người lao động sau học nghề đã biết cách trồng, chăm sóc rau theo hướng an toàn để cung cấp rau sạch cho người tiêu dùng trong tỉnh, sản phẩm sau thu hoạch của một số hộ gia đình đã vươn ra thị trường ngoài tỉnh. Mô hình trồng lúa năng suất cao cũng đạt hiệu quả và được lao động nông thôn hưởng ứng, năng suất từ 53,8 tạ/ha năm 2010, nâng lên 58 tạ/ha năm 2017.

- Mô hình trồng nấm như trang trại nấm ở xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, trồng các loại nấm linh chi, nấm rơm, nấm sò... Mô hình chăn nuôi heo Ky ở xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành.

- Việc tổ chức đào tạo tại các mô hình điểm này được thực hiện ngay tại địa phương được chọn làm điểm để thuận lợi cho bà con nông dân tham gia học nghề. Các lớp dạy nghề tại mô hình điểm khi tổ chức thực hiện đều có sự cam kết giữa cơ sở đào tạo, địa phương và doanh nghiệp, theo đó trách nhiệm giữa các bên được quy định rõ ràng: Cơ sở đào tạo phối hợp với địa phương trong công tác tuyển sinh, chịu trách nhiệm về chương trình, giáo trình, thiết bị dạy nghề, tổ chức đào tạo đảm bảo chất lượng đào tạo; địa phương (UBND xã, các tổ chức đoàn thể, Ban nhân dân thôn) chịu trách nhiệm trong công tác tuyển sinh, quản lý lớp học; doanh nghiệp phối hợp với cơ sở đào tạo trong xây dựng chương trình, giáo trình, tổ chức thực hành tay nghề, bao tiêu sản phẩm; đặc biệt là giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho người học nghề. Tỷ lệ có việc làm, tự tạo việc làm của lao động từ các mô hình thí điểm trên 80%.

d) Hoạt động tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

- Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập cấp huyện đã được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề trong giai đoạn 2010 - 2019 là 17 cơ sở, với tổng kinh phí là 59.212 triệu đồng. Trong đó, NSTW: 56.462 triệu đồng, NSDP: 2.750 triệu đồng.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo nghề đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học lý thuyết và thực hành nghề phục vụ tốt hơn cho việc đào tạo nghề lao động nông thôn theo Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, nguồn kinh phí trên vẫn còn thấp so với nhu cầu đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh

quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa số mới được thành lập sau năm 2010 nên điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề vẫn còn thiếu so với mức yêu cầu tối thiểu của danh mục thiết bị dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

e) Hoạt động phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề; xây dựng, phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề

- Năm 2010, UBND tỉnh ban hành danh mục 24 nhóm ngành nghề đào tạo hệ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn. Đến năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành 88 ngành, nghề đào tạo hệ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng, trong đó có 08 ngành, nghề đào tạo nghề cho người khuyết tật và 32 nghề nông nghiệp.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức biên soạn, chỉnh sửa lại chương trình, giáo trình của các nghề theo quy trình hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 Quy định về đào tạo thường xuyên, phù hợp điều kiện cụ thể theo yêu cầu của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và nhu cầu của người học. Đồng thời, đổi mới chương trình, giáo trình và phương pháp đào tạo nghề theo hướng tăng cường bài giảng tích hợp, phát huy năng lực của mỗi cá nhân, tăng cường tính chủ động, tích cực của người học nghề, gắn với thực tế sản xuất và phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

Nhìn chung việc xây dựng, phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề và chất lượng chương trình, giáo trình dạy nghề tương đối phù hợp; đồng thời, danh mục nghề được bổ sung hàng năm khi có nhu cầu học nghề của người dân. Tuy nhiên, về thời gian đào tạo còn quá dài vì người dân học nghề nông nghiệp chỉ cần học kỹ thuật, kỹ năng, kiến thức khoa học để áp dụng làm tăng năng suất, tăng thu nhập, người dân khó có điều kiện tham gia học đầy đủ, gây khó khăn về thời gian học tập, số lượng chương trình dạy nghề được xây dựng, điều chỉnh còn quá ít so với số lượng nghề đào tạo theo nhu cầu của lao động nông thôn.

g) Hoạt động phát triển đội ngũ giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý dạy nghề

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề ngày càng được chú trọng, góp phần nâng cao năng lực, trách nhiệm và nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác đào tạo nghề phát triển nguồn nhân lực. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề tại các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 01/3/2019 là 694 người. Về chất lượng, trình độ Tiến sỹ: 07 người; Thạc sỹ: 192 người, Đại học: 378 người; Cao đẳng: 45 người; Trung cấp và trình độ khác: 72

người. Có trên 75% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được chuẩn hóa, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong 10 năm thực hiện Đề án, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức bồi dưỡng cho 500 lượt cán bộ phụ trách dạy nghề cấp xã, cấp huyện các nội dung về Đề án 1956, phương pháp, kỹ năng xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tư vấn học nghề, tìm và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn; tập huấn bồi dưỡng “Quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp” cho cán bộ quản lý dạy nghề thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và 14 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng giáo viên giảng dạy kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông thôn; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên tham gia đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Qua các đợt tập huấn, đã giúp giáo viên, người dạy nghề có những hiểu biết cơ bản về khoa học giáo dục nghề nghiệp, có năng lực sư phạm dạy nghề, hiểu được các hệ thống văn bản của nhà nước về hoạt động giáo dục nghề nghiệp; vận dụng được những kiến thức và kỹ năng sư phạm vào đào tạo nghề cũng như rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, hình thành nhân cách người giáo viên, người dạy nghề và từng bước đạt chuẩn theo quy định. Có 433 giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề, 228 giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng dạy học, kỹ năng dạy tích hợp cho giáo viên dạy nghề, 130 người được bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

h) Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm đều tổ chức các lượt kiểm tra tiến độ, thanh lý hợp đồng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức các đợt kiểm tra việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề được đầu tư, mua sắm từ Dự án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Ngoài ra, hàng năm, Ban Chỉ đạo 1956 của tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 tại các huyện, thành phố.

- Nhìn chung, Ban Chỉ đạo các huyện, thành phố chưa thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ để sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; chưa thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Đề án ở các xã, phường, thị trấn; chưa thực hiện đầy đủ các chế độ thông tin, báo cáo định kỳ theo quy định; chưa có sự phân công cụ thể cho các thành viên

trong Ban Chỉ đạo cấp huyện đứng cánh chỉ đạo, theo dõi ở các xã; các cấp ủy Đảng, chính quyền, hội đoàn thể ở cấp xã chưa thực sự tích cực tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

4. Về kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí nông thôn mới

Kết quả đã đạt được từ chính sách Đề án 1956 trong giai đoạn 2010 - 2018 đã đào tạo được 41.283 người, góp phần nâng tỷ lệ lao động nông thôn sau học nghề có việc làm, thêm việc làm, được nâng cao tay nghề khoảng 37.075 người người đạt 89,8%. Góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ là: 28,4% năm 2010 tăng lên 45% năm 2015, năm 2016 đạt 47%, năm 2017 đạt 49%, năm 2018 đạt 51%, dự kiến năm 2019 đạt 53% và phấn đấu đến năm 2020 là 55%.

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Những mặt đạt được của Đề án 1956

- Qua 10 năm triển khai thực hiện Đề án, tỉnh đã huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề. Qua học nghề đã giúp nông dân làm nông nghiệp theo hướng hiện đại, được tiếp cận với ngành nghề mới, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, thoát nghèo, vươn lên trở thành hộ khá. Đề án 1956 triển khai ở tỉnh đã hướng vào mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn, tạo sự chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

- Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, người dạy nghề ngày càng hoàn thiện cả về trình độ năng lực chuyên môn.

- Phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đào tạo nghề cho lao động nông thôn được nhân dân và xã hội đồng tình hưởng ứng mạnh mẽ, tạo ra sức lan tỏa lớn và thật sự mang lại hiệu quả thiết thực đối với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Việc chú trọng công tác dạy nghề cho lao động nông thôn đã góp phần quan trọng vào công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Về cơ bản người lao động sau học nghề đã biết cách tiếp cận và vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ. Hầu hết lao động có tay nghề đã được nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất,... từ đó nâng cao thu nhập cho bản thân, ổn định cuộc sống, góp phần

tích cực vào chuyên dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và giảm nghèo bền vững.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Trong giai đoạn 2011-2015, những năm đầu thực hiện Đề án, việc tham mưu và hướng dẫn về cơ chế tài chính còn sai sót, bất cập trong thực hiện. Sự kiểm tra, giám sát trong việc tổ chức đào tạo nghề của Ban Chỉ đạo Đề án 1956 các cấp chưa thường xuyên và chưa chặt chẽ, do đó khi tổ chức thực hiện một số cơ sở đào tạo chưa thực hiện nghiêm các nội dung theo quy định nên dẫn đến một số hạn chế và sai phạm trong thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Còn khoảng cách giữa đào tạo và thực tế sử dụng lao động đã qua đào tạo. Kiến thức, kỹ năng, thể chất, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp... mà cơ sở đào tạo nghề trang bị cho người học chưa đáp ứng được nhu cầu người sử dụng lao động. Giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn còn triển khai theo phương thức phổ biến nghề, chưa đáp ứng được yêu cầu trang bị kỹ năng nghề cho lao động nông thôn để có thể vận hành nền sản xuất hàng hóa hiện đại trong bối cảnh hội nhập.

- Liên kết, hợp tác trong đào tạo nghề gắn liền với sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chậm phát triển.

- Cán bộ theo dõi công tác quản lý nhà nước về dạy nghề ở phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố còn hạn chế về chuyên môn, do kiêm nhiệm nhiều công việc và thay đổi vị trí công tác.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn. Vốn ngân sách nhà nước (kể cả vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác) còn quá thấp so với yêu cầu; vốn huy động trong dân rất hạn chế do thu nhập của người nông dân còn thấp; vốn huy động từ các doanh nghiệp không nhiều. Nguồn vốn ngân sách tỉnh rất hạn hẹp, hàng năm chỉ đủ phân bổ kinh phí cho việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn nên chưa bố trí kinh phí cho việc nâng cao chất lượng cơ sở vật chất tại các Trung tâm GDNN – GDTX cấp huyện.

- Định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 còn thấp, rất nhiều nghề không đủ chi phí đào tạo, nhất là các nghề có thời gian đào tạo từ 6 tháng đến dưới 01 năm (*việc huy động người học đóng góp thêm là không khả thi vì bản thân những lao động nông thôn khi tham gia học nghề có đời sống kinh tế khó khăn*).

b) Nguyên nhân

- Điểm xuất phát về cơ sở dạy nghề, năng lực đào tạo nghề (*đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo, trang thiết bị*) còn thiếu và yếu; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp chưa kinh nghiệm, trong quá trình tham mưu và xây dựng cơ chế, chính sách có sự vận dụng vượt khuôn khổ pháp luật; nhiều huyện, thành phố chưa bố trí được biên chế chuyên trách theo dõi đào tạo nghề theo như Đề án được duyệt nên ít nhiều ảnh hưởng đến công tác tham mưu nên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo nghề trong những năm đầu thực hiện Đề án.

- Nhận thức của người dân về học nghề để nâng cao tay nghề, tăng giá trị thu nhập, học nghề để tự tìm việc làm, thêm việc làm, có việc làm mới và chuyển nghề còn chưa đầy đủ dẫn đến việc tuyển sinh học nghề rất khó khăn. Kỷ luật lao động, ý thức, tác phong công nghiệp của người lao động còn thấp, phần lớn lao động xuất thân từ nông thôn, mang tác phong sản xuất nông nghiệp, chưa thực hiện đúng nội quy về giờ giấc của doanh nghiệp nên tình trạng bỏ việc còn khá lớn.

- Công tác dự báo và thông tin về cung - cầu về hệ thống giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động, thế giới việc làm còn bất cập, chưa sát và kịp thời, đặc biệt trong bối cảnh của cách mạng 4.0; chưa có các giải pháp đủ mạnh và đồng bộ để tạo ra sự đột phá về chất lượng ở một số nghề mang tính cạnh tranh cao.

- Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một số địa phương chưa gắn chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn với sự chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của địa phương. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong tổ chức thực hiện Đề án có lúc, có nơi chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ.

- Triển khai tự chủ đối với nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập còn chậm. Hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp còn thiếu tính bền vững.

3. Các giải pháp tổ chức thực hiện Đề án trong thời gian đến

- Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; Huy động sự tham gia đồng bộ giữa các cấp, các ngành và các đoàn thể từ tỉnh tới cơ sở, đặc biệt là sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp như: Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, vận động, tuyên truyền Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của đào tạo nghề đối với tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn tỉnh, nắm chắc nhu cầu đào tạo cho mỗi loại nghề, lĩnh vực; xây dựng kế hoạch dạy nghề phải đạt mục tiêu cụ thể, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhu cầu học nghề của người lao động. Trong đào tạo cần lấy thực hành làm chính, với phương châm “cầm tay, chỉ việc”, gắn với các mô hình sản xuất có hiệu quả, bền vững. Nhân rộng các mô hình sản xuất tiêu biểu, có hiệu quả cao từ việc ứng dụng các kiến thức được đào tạo từ các lớp đào tạo nghề lao động nông thôn.

V. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trước hết phải làm tốt công tác tuyên truyền để cả hệ thống chính trị và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về xây dựng nông thôn mới. Công tác tuyên truyền là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt, phải làm cho người dân ý thức được vai trò chủ thể của mình, chủ động, tự giác học nghề, nhà nước chỉ định hướng, hỗ trợ.

- Tổ chức khảo sát kỹ nhu cầu người học, đào tạo nghề để xây dựng kế hoạch đào tạo sát đúng với tình hình thực tiễn; phải xác định sản phẩm chủ lực của địa phương (thế mạnh về cây, con, nghề) để tổ chức đào tạo; trong đào tạo cần lấy thực hành làm chính, với phương châm “cầm tay, chỉ việc”, gắn với các mô hình sản xuất có hiệu quả, bền vững.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có khả năng thu hút lao động qua đào tạo nghề từ khâu xây dựng nội dung chương trình đến quá trình tổ chức đào tạo và tiếp nhận người học nghề vào làm việc tại doanh nghiệp sau tốt nghiệp. Chỉ tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học nghề.

- Chú trọng khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tham gia đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn; tăng cường năng lực và huy động cán bộ kỹ thuật, nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân, thợ giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn và coi đây là những lực lượng nòng cốt trong công tác dạy nghề tại địa phương.

- Ban Chỉ đạo Đề án 1956 các cấp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình tổ chức thực hiện, cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện của Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại từng địa phương.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019 - 2020

I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM 2019-2020

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, trong đó, tập trung đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn đủ trình độ, năng lực làm việc gắn với giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và chuyên nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho một bộ phận lao động nông thôn để thực hành sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Phấn đấu giai đoạn 2019 - 2020: Mỗi năm đào tạo cho 3.000 người cho lao động nông thôn, người khuyết tật, thợ thủ công, thợ lành nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động (1.000 người học nghề nông nghiệp, 2.000 người học nghề phi nông nghiệp). Sau khi học nghề đảm bảo 90% số người học nghề có việc làm mới.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019-2020

Để triển khai tổ chức công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả trong thời gian tới cần phải thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo (*đa ngành, chuyên ngành*), chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng. Sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp yếu kém, hoạt động không hiệu quả, không đủ năng lực triển khai tự chủ.

3. Thực hiện rà soát, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn, bảo đảm các nghề nông nghiệp phải phù hợp với quy hoạch xây

dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp, yêu cầu tái cấu trúc ngành nông nghiệp, đào tạo nghề gắn với hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; đối với nghề phi nông nghiệp phải xuất phát từ quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nhu cầu sử dụng lao động theo vị trí làm việc của doanh nghiệp.

4. Tăng cường công tác chỉ đạo, phân công gắn trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, nhất là chính quyền cấp huyện, cấp xã. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

5. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở dạy nghề lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và đào tạo theo nhu cầu của người lao động học nghề xong phải có việc làm.

6. Quan tâm đầu tư tập trung nguồn lực tài chính đối với các cơ sở đào tạo nghề, đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề đáp ứng theo nhu cầu dạy nghề và học nghề của lao động nông thôn.

7. Thường xuyên bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề để nâng cao kỹ năng tay nghề, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

8. Liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm tại doanh nghiệp nhằm thu hút lao động tham gia học nghề, dạy nghề gắn liền với việc làm.

9. Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo các cấp, phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ đạo, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án với sự tham gia đầy đủ của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các hội đoàn thể và các doanh nghiệp, nhất là công tác vận động và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề và tìm được việc làm phù hợp sau khi học nghề.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ

1. Tăng thêm định mức kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng là lao động nông thôn theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

2. Ban hành chế độ phụ cấp kinh phí cho cán bộ theo dõi công tác dạy nghề tại các xã, phường, thị trấn.

II. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Quan tâm, xem xét bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ đầu tư cải tạo cơ sở vật chất cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện trên địa bàn tỉnh.

Kính báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956 của Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- BCĐ thực hiện QĐ 1956 TW;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Sở: Lao động- Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Thông tin và Truyền thông;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KGVX, CB-TH;
- Lưu: VT, NNTN (Vũ 522).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính

PHỤ LỤC
BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng đầu năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
I	Công tác chỉ đạo, điều hành						
1	Số đoàn kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho LĐNT	Đoàn	60	19	2	6	6
2	Số nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	97	84	88	88	95
-	<i>Nghề nông nghiệp</i>	<i>Nghề</i>	<i>40</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>35</i>
-	<i>Nghề phi nông nghiệp</i>	<i>Nghề</i>	<i>57</i>	<i>52</i>	<i>56</i>	<i>56</i>	<i>60</i>
3	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	-	-	-	-	-
4	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	97	84	88	88	95
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương[1]	Số lượng	-	-	220	300	500
6	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT						
	<i>Số tin, bài tuyên truyền</i>	<i>Tin, bài</i>	<i>560</i>	<i>300</i>	<i>10</i>	<i>25</i>	<i>30</i>
	<i>Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề</i>	<i>Người</i>	<i>31.268</i>	<i>5.150</i>	<i>1.000</i>	<i>2.270</i>	<i>2.500</i>
7	Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	C.Tr	97	84	16	16	-
-	<i>Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp</i>	<i>C.Tr</i>	<i>40</i>	<i>32</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	
-	<i>Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp</i>	<i>C.Tr</i>	<i>57</i>	<i>52</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	
8	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Người	587	232	100	130	
-	<i>Số giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng.</i>	<i>Người</i>	<i>573</i>	<i>218</i>	<i>100</i>	<i>130</i>	<i>150</i>
-	<i>Số cán bộ chuyên trách về giáo dục nghề nghiệp cấp huyện</i>	<i>Người</i>	<i>5</i>	<i>8</i>			
-	<i>Số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về giáo dục nghề nghiệp cấp huyện</i>	<i>Người</i>	<i>9</i>	<i>6</i>			
9	Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg	Người	36.133	5.150	970	2.270	3.000

9.1	Chia theo lĩnh vực	Người	36.133	5.150	970	2.270	3.000
	Nông nghiệp	Người	12.842	1.599	170	270	1.000
	Phi nông nghiệp	Người	23.291	3.551	800	2.000	2.000
9.2	Chia theo đối tượng	Người					
	Lao động nữ	Người	14.943	3.103			
	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi NCC với cách mạng	Người	1.447	217			
	Người dân tộc thiểu số	Người	6.629	1.239			
	Người thuộc hộ nghèo	Người	2.383	249			
	Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	Người	427	11			
	Người khuyết tật	Người	227	131			
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người	148	243			
	LĐNT khác	Người	24.872	3.060			
10	Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT	Cơ sở	28	14	8	9	11
	Trường cao đẳng	Cơ sở	3	2	2	2	3
	Trường trung cấp	Cơ sở	3	2	-	1	2
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp[2]	Cơ sở	18	7	4	4	4
	Doanh nghiệp	Cơ sở	-	-	-	-	-
	Cơ sở đào tạo khác	Cơ sở	4	3	2	2	2
11	Tổng số kinh phí đã sử dụng	Tr.đ					
11.1	Chia theo nguồn kinh phí	Tr.đ	122.920	25.644	2.800	3.300	5.500
	Ngân sách Trung ương	Tr.đ	87.722	14.566	2.000	2.500	3.000
	Ngân sách Địa phương	Tr.đ	35.198	11.078	800	800	2.500
	Các nguồn khác	Tr.đ	-	-	-	-	-
11.2	Chia theo nội dung hoạt động	Tr.đ					
-	Tuyên truyền, tư vấn học nghề	Tr.đ	20	243	100	110	150
-	Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề	Tr.đ	-	-	-	-	-
-	Phát triển chương trình, giáo trình	Tr.đ	-	250	-	-	-
-	Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý	Tr.đ	400	800	500	500	300
-	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề[3]	Tr.đ	57.862	1.350	-	-	1.500
-	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng	Tr.đ	62.903	22.391	2.100	2.540	3.400
-	Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác	Tr.đ	1.735	610	100	150	150
12	Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề	Người	32.088	4.987		2.070	2.700
12.1	Chia theo lĩnh vực	Người					
-	Nông nghiệp	Người	12.091	1.594		270	700
-	Phi nông nghiệp	Người	19.997	3.393		1.800	2.000
12.2	Chia theo loại hình công việc	Người					

-	<i>LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động</i>	Người	11.336	2.501		1.800	2.000
-	<i>LĐNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm</i>	Người	751	309		100	400
-	<i>LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên</i>	Người	18.025	2.036		70	300
-	<i>LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất</i>	Người	1.976	141		-	
-	<i>Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo</i>	Người	1.697	1.258		740	1.000
13	<i>Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá</i>	Người	3.326	654		30	120

[1] *Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh về việc Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*